

Bản án số: 49/2026/HS-ST

Ngày: 06 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Sinh
Ông Bùi Văn Tần

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi; Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 đối với:

1. Bị cáo: **NGUYỄN B**, sinh ngày 19-08-1972, tại tỉnh Quảng Ngãi; căn cước công dân số: 051072013744, cấp ngày 05-12-2021; nơi thường trú: **thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi**; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/10; nghề nghiệp: thợ hồ; con ông **Nguyễn N** (chết) và bà **Lê Thị T** (chết); vợ: **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1972, trú tại **thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi**; con: có 02 con, sinh năm 1995 và sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Ông **Nguyễn N** – sinh năm 1943 (chết), nơi thường trú cuối cùng trước khi chết: **thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi**.

3. Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969; ông Nguyễn B, sinh năm 1972; cùng nơi thường trú: thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978; nơi thường trú: thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1982; nơi thường trú: thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975; nơi thường trú: khu phố D, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Cùng ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn D, sinh năm 1969, nơi thường trú: thôn B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy Ủy quyền ngày 27/10/2025 và ngày 07/11/2025, có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn T1, sinh năm 1964; nơi thường trú: thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Phúc L, sinh năm 1995; nơi thường trú: thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/9/2025 Nguyễn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 86B6-010.81 chở ông Nguyễn N, sinh năm 1943 (là cha ruột của Nguyễn B) từ nhà ở thôn B, xã B vào Trung tâm Y tế B2 để cấp cứu, lưu thông theo hướng Bắc vào N. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, khi đến tại Km1034+250m tuyến QL1, thuộc thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi do không chú ý quan sát, không giảm tốc độ nên đã va chạm với xe ô tô tải biển kiểm soát 76A-337.15 do ông Nguyễn T1, sinh ngày 12/10/1964, ở thôn P, xã B điều khiển lưu thông hướng từ N ra B chuyển hướng Tây. Hậu quả: ông Nguyễn B và ông Nguyễn N bị đa chấn thương điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Q. Đến 11 giờ 00 ngày 17/9/2025 thì ông Nguyễn Năng C1.

Tại Bản Kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số 39/KLGĐTT-TTPY ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Q đối với nguyên nhân chết của Nguyễn N kết luận: Nguyên nhân chết: đa chấn thương; cơ chế hình thành dấu vết tổn thương trên cơ thể là do vật tày tác động trực tiếp.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm ngày 16/9/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Q thể hiện định lượng Ethanol (cồn) của Nguyễn B là 225,73mg/100ml.

Tại bản Cáo trạng số: 56/CT-VKS-KV2 ngày 30/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn B về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn B từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Vấn đề dân sự: Bị cáo khắc phục chi phí mai táng với số tiền 30.000.000đồng, ông Nguyễn D đã có giấy bãi nại về phần dân sự cho bị cáo. Ngoài ra, ông Nguyễn T1 đã hỗ trợ chi phí mai táng cho ông Nguyễn N số tiền 50.000.000đồng; chi phí điều trị thương tích cho bị cáo số tiền 5.000.000đồng; không yêu cầu đền bù sửa chữa hư hỏng phương tiện trên nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 86B6-010.81 và xe ô tô tải biển kiểm soát 76A-337.15, không ai có yêu cầu khiếu nại gì thêm đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố

tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: bị cáo đã được **Sở Giao thông Vận tải tỉnh Q** cấp Giấy phép lái xe hạng A1 vào 02/8/2012, số giấy phép lái xe là AV 687889. Vào chiều ngày 16/9/2025 bị cáo đang dự đám giỗ gần nhà thì nhận được điện thoại của cha ruột là ông **Nguyễn N** yêu cầu bị cáo về chở ông **Nguyễn Năng Đ** bệnh viện nên **Nguyễn B** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 86B6-010.81 chở ông **Nguyễn N** vào **Trung tâm y tế B2** để cấp cứu. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, khi xe lưu thông theo hướng Bắc vào **N**, tại Km1034+250m tuyến QL1, thuộc **thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi** thì bị cáo phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 76A-337.15 do ông **Nguyễn T1** điều khiển lưu thông từ Nam ra **B** và đang chuyển hướng Tây tuy nhiên vì bị cáo đã sử dụng bia rượu và điều khiển xe với tốc độ nhanh nên xử lý tình huống không kịp đã va chạm với xe ô tô nói trên, hậu quả là xe mô tô bị cáo đang điều khiển bị ngã xuống đường, cha bị cáo và bị cáo đều bị thương tích, được đưa đi điều trị tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh Q**, đến 11 giờ 00 ngày 17/9/2025 thì cha bị cáo chết.

Các kết luận kiểm tra và giám định như sau:

1. Tại Kết luận giám định tử thi số 31/KLGĐTT-TTPY ngày 25/9/2025 của Trung tâm pháp y thuộc **Sở Y tế tỉnh Q** kết luận: nguyên nhân chết của **Nguyễn N**: do gia đình không đồng ý mổ tử thi nên không đủ cơ sở để kết luận nguyên nhân chết. Cơ chế hình thành vết thương trên cơ thể: vật tày tác động trực tiếp.

2. Tại Bản Kết luận giám định tử thi qua hồ sơ số 39/KLGĐTT-TTPY ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm Pháp y thuộc **Sở Y tế tỉnh Q** đối với nguyên nhân chết của **Nguyễn N** kết luận: nguyên nhân chết: đa chấn thương; cơ chế hình thành dấu vết tổn thương trên cơ thể là do vật tày tác động trực tiếp.

3. Tại Phiếu kết quả xét nghiệm ngày 16/9/2025 của **Bệnh viện đa khoa tỉnh Q** thể hiện định lượng Ethanol (cồn) của **Nguyễn B** là 225,73mg/100ml.

4. Tại Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy của Phòng C2 – Công an tỉnh Q đối với Nguyễn T1 kết luận: âm tính với chất ma túy trong cơ thể.

5. Tại phiếu kiểm tra nồng độ cồn của Phòng C2 – Công an tỉnh Q đối với Nguyễn T1 kết luận: 0,000mg/l.

6. Tại Kết luận giám định số 1239/KL – KTHS ngày 05/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: dữ liệu bên trong đĩa DVD-R lưu trữ 01 tập tin video có tên “7038302068609” định dạng “.mp4”, dung lượng 10.613KB, thời lượng 01 phút 50 giây, xác định: trích xuất được 12 hình ảnh đại diện theo nội dung yêu cầu giám định và đưa vào 01 bản ảnh; không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tập tin video gửi giám định.

Toàn bộ lời khai của bị cáo tại phiên tòa như trên hoàn toàn phù hợp với lời nhận tội của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng được thu giữ, các tài liệu về hiện trường và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như Cáo trạng truy tố.

Hành vi của Nguyễn B như nêu trên đã vi phạm khoản 2 Điều 9 và điểm d khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Khoản 2 Điều 9 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định: “Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm:.....2. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Điểm d khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định: “3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau đây:.....d) Nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường hẹp, đường vòng, đường Q, đường đèo, dốc;”

Như vậy, trong vụ án này lỗi và nguyên nhân gây ra tai nạn thuộc về bị cáo Nguyễn Biên N1 hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất hành vi phạm tội do bị cáo Nguyễn B gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng khi tham gia giao thông đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật giao thông đường bộ về tốc độ, không chú ý quan sát, sử dụng bia rượu có nồng độ cồn vượt quá quy định khi tham gia giao thông đã xâm phạm đến tính mạng của bị hại là khách thể được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử

cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để góp phần ổn định tình hình trật tự an toàn giao thông của địa phương.

[2.3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội khi đưa bị hại đi cấp cứu; đại diện gia đình bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử bị cáo dưới khung hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đã đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[2.4] Về vấn đề dân sự: bị cáo khắc phục chi phí mai táng với số tiền 30.000.000đồng, người được gia đình ông Nguyễn N ủy quyền giải quyết vụ tai nạn là ông Nguyễn D đã có giấy bãi nại về phần dân sự. Ngoài ra, ông Nguyễn T1 đã hỗ trợ chi phí mai táng cho ông Nguyễn N số tiền 50.000.000đồng, hỗ trợ chi phí điều trị thương tích cho bị cáo Nguyễn B số tiền 5.000.000đồng và không yêu cầu đền bù, sửa chữa xe ô tô bị hư hỏng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về xử lý vật chứng:

[2.5.1] Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 76A-337.15, loại xe tải có mui, nhãn hiệu HOA MAI Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn T1; đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 86B6-010.81 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Phúc L (con gái của Nguyễn B) là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5.2] Đối với 01 giấy phép lái xe bản gốc số 510200007799 cấp ngày 02/7/2020 hạng FC mang tên Nguyễn T1; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới bản gốc NO: VA 1926364, biển đăng ký: 76A-337.15; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô bản gốc số 76 00003069, tên chủ xe: Nguyễn Thủy, biển đăng ký: 76A-337.15. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn T1 là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5.3] Đối với ông Nguyễn T1: khi lưu thông xe ô tô tải biển kiểm soát 76A-337.15 từ Nam ra B tại Km1034+250m tuyến QL1, thuộc thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi thì chuyển hướng Tây, trước khi chuyển hướng Nguyễn T1 đã giảm tốc độ, quan sát các làn đường, bật tín hiệu đèn chuyển hướng (bật đèn xi nhan), lúc này người đi đường hướng B1 – N đã dừng lại (phía Tây đường) để Nguyễn T1 chuyển hướng, như vậy chuyển hướng của Nguyễn T1 là đảm bảo an toàn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn T1 là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét ý kiến tranh luận của bị cáo: Không có tranh luận gì nên không xét.

[4] Xét lời nói sau cùng của bị cáo: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn B phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Xử phạt: Nguyễn B 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án ngày 06/5/2026.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Về vấn đề dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc bị cáo **Nguyễn B** có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/5/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đối với phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/5/2026).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi (Phòng 7);
- Phòng CSĐT và Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSKV 2 – Quảng Ngãi
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Bình Sơn (thay thông báo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tương

